

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 09-7-2024.
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam
Hội thẩm nhân dân: bà Trương Thị Thanh Hương
và bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Đình Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Hữu Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Bùi Thị Thương T, sinh ngày 10/12/1988; CCCD số 075188015625; nơi thường trú và cư trú: tổ G, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 09/11/1983; CCCD số 075083021459; nơi thường trú: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: tổ G, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản đối chất, nguyên đơn bà Bùi Thị Thương T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Tấn Đại tự n tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào tháng 12 năm 2023 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, do làm ăn thua lỗ gây ra nợ nần dẫn đến vợ chồng luôn túng quẫn trong chuyện tiền bạc. Nợ nần càng ngày càng chồng chất, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặt khác, ông Đ hay ăn nhậu, chơi cờ bạc, về nhà chửi bới vợ, nói chuyện thô tục, không lo lắng cho gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng

lạnh nhạt, không còn tình cảm cho nhau nên bà nộp đơn xin được ly hôn ông Đ. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng ông bà có nhờ cha mẹ bà T là ông Bùi Thành X và bà Hồ Thị L thế chấp giấy CNQSDĐ để đứng tên vay tiền Ngân hàng A 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng từ năm 2019 để làm ăn, hàng tháng vợ chồng chịu trách nhiệm trả lãi ngân hàng. Ly hôn, bà yêu cầu ông Đ tiếp tục cùng bà trả tiền lãi cho ngân hàng. Về nợ gốc thì khi nào ông X, bà L bán được đất sẽ trả cho ngân hàng nên không ý kiến.

* *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:* Ông và bà Bùi Thị Thương T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào tháng 12 năm 2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại tổ G, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai và hiện nay, ông Đ vẫn sống chung nhà với cha mẹ vợ tại địa chỉ trên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bà Bùi Thị Thương T có lén lút quen với người đàn ông khác qua mạng xã hội tên nickname là Trần Tính . Ông công nhận vợ chồng không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông đồng ý. Tuy nhiên, mẹ vợ là bà Hồ Thị L đang bị bệnh nặng hấp hối, ông muốn bà T về chăm sóc mẹ thêm một thời gian, sau khi bà L mất thì ông sẽ chủ động đưa đơn ly hôn. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông Đại thừa n1 vợ chồng có nhờ ông Bùi Thành X và bà Hồ Thị L thế chấp giấy CNQSDĐ để vay Ngân hàng số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ông đồng ý tiếp tục trả lãi hàng tháng cho cha mẹ vợ để đóng cho ngân hàng. Riêng về nợ gốc, ông X bà L hứa khi nào bán được đất sẽ trả cho ngân hàng nên ông không ý kiến gì.

* *Tại biên bản lời khai ngày 07/6/2024 ông Bùi Thanh X1 trình bày:* Ông và bà Hồ Thị L là cha mẹ ruột của thừa nhận mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là có thật và đồng ý để cho bà T, ông Đ ly hôn. Ông xác nhận cùng bà L có thế chấp giấy CNQSDĐ và đứng tên vay tiền Ngân hàng A cho hai vợ chồng bà T, ông Đ làm ăn. Sau vợ chồng bà T, ông Đ ly hôn, ông đồng ý việc bà T, ông Đ thoả thuận hàng tháng tiếp tục đưa tiền trả lãi ngân hàng; còn về số nợ gốc, ông và bà L sẽ chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng, ông và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông Đ trả nợ trong vụ án này.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng các điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) năm 2000 và Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014 để giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho bà T được ly hôn ông Đ; về con chung: không có nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: bà T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Bùi Thị Thương T và ông Nguyễn Tấn Đ có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Do vậy, căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Đ, có địa chỉ cư trú tại tổ G, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, trong đó bà T là nguyên đơn, ông Đ là bị đơn. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về nội dung vụ án:

bà Bùi Thị Thương T và ông Nguyễn Tấn Đ kết hôn vào năm 2013, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Qua đơn xin ly hôn của bà T, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất của các bên cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là có thật thể hiện ở việc cả hai đã không còn quan tâm lo lắng, chia sẻ cho nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông Đ từ lâu đã không còn đạt được nên nếu có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải hàn gắn cũng không có kết quả. Đồng thời, ông Đ cũng công nhận vợ chồng không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân. Căn cứ Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn ông Đ.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 9, 11 của Luật HN&GD năm 2000; các điều 51, 53, 56, 131 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Bùi Thị Thương T được ly hôn ông Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung: không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Bùi Thị Thương T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012144 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; bà T đã nộp đủ án phí.

5. Bà Bùi Thị Thương T và ông Nguyễn Tấn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Bảo Bình;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thế Nam